

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 12 ngày 5 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng và xử lý tài sản thế chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 3 và ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 20/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quĩ A. Địa chỉ: Số nhà 249, Tiểu Khu 21, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt C2 – Chủ tịch HĐQT. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lò Văn T, sinh năm 1981 và bà Lê Thị T2. Địa chỉ: Tiểu khu T6, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Huy V, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tiểu khu T6, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1958. Địa chỉ: Phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – Quỹ A trình bày như sau:

Ngày 27/02/2020, ông Lò Văn T có ký kết hợp đồng vay vốn số TD4633 tại Quỹ A với số tiền vay 800.000.000VNĐ. Hợp đồng đến hạn trả vào ngày 27/02/2021.

Để đảm bảo khoản nợ trên gia đình ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 đã dùng tài sản đảm bảo bên thứ ba là Giấy chứng nhận QSD đất số Q898963 số vào sổ chứng nhận QSD đất số 00963/QSĐĐ theo quyết định số 102/QĐ-UBND/2000 do UBND huyện Mai Sơn cấp ngày 06/03/2000 cấp cho ông Trần Văn S. Việc thế chấp đã được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020 có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm ông Lò Văn T vay vốn tài sản thế chấp cho Quỹ, ông Trần Văn S đã chuyển nhượng cho ông bà Trần Huy V và bà Nguyễn Thị T3 nhưng chưa công chứng cũng như sang tên đổi chủ, do đó ông Việt bà T3 có nhờ ông Trần Văn S đứng ra ký hồ sơ để cho ông T vay vốn. Tuy nhiên khi ký giấy tờ ông bà Việt T3 đã nhờ anh trai là ông Cấp ký giấy tờ thế chấp (hiện ông Cấp đã mất).

Đến nay đã quá hạn hơn 19 tháng. Số tiền gốc quá hạn là 800.000.000VNĐ. Số tiền lãi tạm tính đến ngày 26/09/2022 là 218.617.000VNĐ. Trong thời gian hợp đồng đến hạn Quỹ đã nhiều lần thông báo với gia đình ông Lò Văn T và người thế chấp tài sản là ông Trần Văn S và ông bà Việt T3, nhưng do ông Lò Văn T hiện nay không có trên địa bàn nên Quỹ chưa xử lý được nợ. Gia đình ông Việt T3 cũng không nhất trí bàn giao tài sản làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân Thị trấn H gây khó khăn lớn trong công tác thu hồi vốn của Quỹ và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Quỹ A.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Quỹ tín dụng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết những nội dung sau:

- Tuyên buộc ông Lò Văn T phải trả số tiền nợ gốc 800.000.000VNĐ và tiền lãi tính đến ngày 26/09/2022 là 218.617.000VNĐ Tổng số tiền 1.018.617.000VNĐ.

- Tuyên buộc ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân Thị trấn H kể từ ngày tiếp theo của ngày tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 trả hết nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân dân Thị trấn H.

- Trong trường hợp ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 không trả số tiền trên, đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Trần Văn S phải bàn giao tài sản thế chấp cho Quỹ.

- Tuyên buộc nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ trả nợ cho Quỹ A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 thanh toán tiền gốc và lãi còn nợ, đồng thời tiếp tục trả lãi

theo lời xuất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký; rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020 do đã thỏa thuận được với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy V và bà Nguyễn Thị T3 trình bày như sau:

Năm 2003, ông bà nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn S, đã giao tiền đầy đủ, và sử dụng đất từ thời điểm đó đến nay không có tranh chấp. Ông bà đã làm hợp đồng chuyển nhượng từ năm 2007 có chứng thực, có làm hồ sơ nộp tại văn phòng đất nhưng chưa được cấp giấy nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn S.

Ông bà không biết sự việc ông Lò Văn T thế chấp vay tiền tại Quỹ. Khi Văn phòng đất không cấp giấy chứng nhận cho ông bà từ năm 2007 đến năm 2009 gia đình đã lấy lại hồ sơ. Anh T ở khu nhà ông bà nói có quan hệ rộng, có thể nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giúp. Ngày 14/02/2020, anh Lò Văn T lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn S giao cho anh T và anh T có viết lại giấy nhận bìa. Sau đó khoảng vài tháng, nghe thông tin của người quen rằng ông T đã thế chấp giấy chứng nhận mang tên ông S vay 800.000.000VNĐ tại Quỹ. Ông bà xuống quỹ hỏi mới biết sự việc. Lúc đó, ông bà yêu cầu ông T trả bìa, ông T hứa sẽ trả bìa nhưng sau đó đi khỏi nơi cư trú. Vì vậy, hiện nay quỹ tín dụng vẫn đang giữ bìa gốc của ông bà. Hiện tại, ông bà vẫn đang sử dụng quyền sử dụng đất làm đất ở, trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng đề nghị xử lý tài sản thế chấp trường hợp ông Lò Văn T không thanh toán tiền vay, ông bà không nhất trí. Lý do ông bà không ký vào hồ sơ thế chấp hay vay vốn, ông S cũng không phải là người ký giấy thế chấp. Tại sao anh T lại thế chấp và vay vốn được tại quỹ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Huy V và bà Nguyễn Thị T3 xác nhận đã thỏa thuận với Quỹ tín dụng về việc xử lý tài sản thế chấp.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S trình bày như sau:

Ông khẳng định không ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020 để bảo đảm cho khoản vay của ông Lò Văn T tại Quỹ tín dụng thị trấn H. Qua xem xét hợp đồng thế chấp do Quỹ cung cấp cho Tòa án, ông khẳng định chữ ký Trần Văn S trong hồ sơ không phải chữ ký của ông.

Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn S ở Tiểu khu T6, xã H ông đã chuyển nhượng cho ông H bà T7hoa (không nhớ rõ họ tên, thời gian và địa chỉ cụ thể) cách đây khoảng gần 20 năm. Việc chuyển nhượng đất đã xong, hai bên không có tranh chấp, ông đã bàn giao đất xong và không còn liên quan đến thửa đất. Sau đó, ông có nghe nói thửa đất đó ông H đã chuyển nhượng lại cho ông bà V T3. Ông biết chuyển nhượng lại cho ông bà V T3 do ông bà V T3 lên

nhà tôi nhờ ký giấy tờ để làm thủ tục chuyển nhượng. Do ông chuyển nhượng cho ông H, không chuyển nhượng cho ông bà V T3 nên ông không đồng ý ký thủ tục chuyển nhượng cho ông bà V T3. Hiện nay, thửa đất tại Tiểu khu T6, xã H do ông bà V T3 sử dụng. Việc ông Hồng chuyển nhượng thửa đất lại cho ông bà V T3 ông không biết cụ thể và cũng không có ý kiến gì.

Việc thửa đất vẫn đứng tên ông trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông H bà T7 (người nhận chuyển nhượng thửa đất) không làm thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền. Nếu ông Hồng chuyển nhượng lại cho người khác, ông sẽ ký thủ tục chuyển nhượng cho người thứ ba khi có mặt của ông Hồng để tránh phát sinh tranh chấp. Việc ông bà V T3 xin chữ ký không có mặt ông Hồng nên ông không ký thủ tục chuyển nhượng.

Hiện tại thửa đất đang do ông bà V T3 quản lý sử dụng. Chữ ký trong hợp đồng thế chấp không phải của ông nên ông không đồng ý tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do không còn liên quan đến quyền lợi của ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án và thông báo cho bị đơn về thời gian làm việc tại Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt tại Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến đối với việc khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng cố tình không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử theo hướng nhận yêu cầu khởi kiện của Quý A. Buộc ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 phải thanh toán cho Quý A số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng vay vốn số TD4633 ngày 27/02/2020. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử

lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020 giữa ông Trần Văn S và Quý A.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Quý tín dụng nhân dân thị trấn H khởi kiện yêu cầu ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay vốn số TD4633 ngày 27/02/2020 và xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020 nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trước khi xảy ra tranh chấp, ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 vẫn có mặt tại nơi cư trú (tiểu khu T6, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La), tham gia ký kết các hợp đồng và giấy nhận nợ. Tuy nhiên, sau đó anh T không thường xuyên vắng mặt tại địa phương, qua xác minh ông T và bà T2 vẫn có hộ khẩu tại địa phương, không tạm trú đi nơi khác, không báo cáo với chính quyền địa phương về sự vắng mặt của mình. Xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác định không biết anh T đi đâu, làm gì. Vợ con anh T cũng bỏ đi không có mặt tại nhà. Do đó, Tòa án xác định thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã áp dụng các biện pháp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ như tổng đạt trực tiếp, niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn vẫn không có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên căn cứ **Điều 227** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2, ông Trần Văn S.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp hợp đồng vay vốn số TD4633 ngày 27/02/2020 giữa ông Lò Văn T và Quý A có chữ ký của ông Lò Văn T và ông Trần Việt C2, là giám đốc. Trước ký kết hợp đồng trên, ông Lò Văn T đã có giấy ủy quyền ngày 26/02/2020 thể hiện bà Lê Thị T2 đã ủy quyền cho ông T được ký kết hợp đồng vay vốn với số tiền là 800.000.000VNĐ; ông Trần Việt C2 - giám đốc Quý tín dụng đã được người đại diện theo pháp luật của Quý - ông Đặng Đình Nghĩa ủy quyền ký kết các hồ sơ tín dụng (thể hiện tại quyết định số 843/QĐ-CTHĐQT ngày 03/9/2019). Hợp đồng vay vốn được lập thành văn bản, các bên tham gia giao

dịch hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng thẩm quyền ký kết nên Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng vay vốn trên là hợp pháp, có hiệu lực ràng buộc các bên thực hiện và cần được pháp luật bảo vệ.

Về việc thực hiện hợp đồng : Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn, Quỹ đã thực hiện việc cấp tín dụng cho ông Lò Văn T vay tiền theo đúng hợp đồng. Điều này được thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 27/02/2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 27/02/2020 có chữ ký của ông Lò Văn T thể hiện: ông T đã nhận đủ số tiền vay là 800.000.000VNĐ. Tuy nhiên, ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Quỹ. Tại Điều 3 hợp đồng thể hiện thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân tiền vay đầu tiên. Như vậy, tính đến thời điểm xét xử, ông T và bà T2 đã chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 26 tháng 14 ngày.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 800.000.000VNĐ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn đề nghị tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tại điều 2 hợp đồng tín dụng thể hiện lãi xuất cho vay trong hạn là 9.6%/năm, lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay trong hạn trên số dư nợ tương ứng với thời gian chậm trả. Yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận. Do đó, ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ A số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử (ngày 12/5/2023) là 290.646.370VNĐ, trong đó lãi xuất trong hạn là 37.870.479VNĐ, lãi xuất quá hạn là 252.775.890VNĐ.

[2.3] Từ những nhận định trên, cần buộc ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 thanh toán cho Quỹ A tổng số tiền là 1.090.646.000VNĐ. Trong đó, tiền gốc là 800.000.000VNĐ, tiền lãi tính đến ngày xét xử là 290.646.370VNĐ.

Ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn số TD4633 ngày 27/02/2020 kể từ ngày tiếp theo của ngày tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 trả hết nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân nhân Thị trấn H.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Huy V và bà Nguyễn Thị T3 đã có văn bản thể hiện việc nhất trí với việc rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn. Xét thấy yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên cần chấp nhận, đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 44.719.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ A. Buộc ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 phải thanh toán cho Quỹ A số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng vay vốn số TD4633 ngày 27/02/2020 tại Quỹ A là 1.090.646.000VNĐ. Trong đó, tiền gốc là 800.000.000VNĐ, tiền lãi đến ngày xét xử ước tính là 290.646.370VNĐ

Ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn số TD4633 ngày 27/02/2020 kể từ ngày tiếp theo của ngày tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 trả hết nợ gốc cho Quỹ tín dụng nhân nhân Thị trấn H.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bên thứ 3 số TD 4633/HĐTC ngày 27/02/2020 giữa ông Trần Văn S và Quỹ A.

4. Về án phí: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân nhân Thị trấn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được trả lại số tiền **18.302.000VNĐ (Mười tám triệu ba trăm linh hai nghìn đồng)** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/000**2278** ngày 20 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn ông Lò Văn T và bà Lê Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 44.719.000VNĐ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định /.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Văn Thịnh